

Bản án số: 96/2025/DS-ST
Ngày: 05/5/2025
V/v tranh chấp “hợp đồng dân
sự, hui”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Huy Phong

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Phước Công và ông Võ Lâm Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Tiểu Ngọc, Thư ký Toà án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều Tiên, Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1296/2024/TLST- DS ngày 22 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp “Hợp đồng dân sự, hui” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 142/2025/QĐXX-ST ngày 21 tháng 3 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 176/2025/QĐST-DS ngày 14 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị Bích T, sinh năm 1984; địa chỉ: số C, tổ A, ấp N, xã N, huyện C, tỉnh An Giang, (có mặt).

Bị đơn:

- Ông Lê Minh N, sinh năm 1973; địa chỉ: ấp N, xã N, huyện C, tỉnh An Giang, (vắng mặt).

- Bà Huỳnh Thị Thanh P, sinh năm 1973; địa chỉ: ấp N, xã N, huyện C, tỉnh An Giang, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai thu thập trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Lê Thị Bích T trình bày: do quen biết và là người địa phương với nhau bà có tham gia nhiều dây hui do ông Lê Minh N, bà Huỳnh Thị Thanh P làm chủ; cụ thể:

- Dây hụi thứ nhất: hụi 5.000.000 đồng/tháng, khai ngày 08/5/2020 (al), có 18 hụi viên, gồm 18 phần, bà T tham gia một phần. Hụi khai đến lần thứ 12 thì ông N, bà P tự ý ngưng hụi. Dây hụi này bà T đã đóng với số tiền 56.000.000 đồng.

- Dây hụi thứ hai: hụi 3.000.000 đồng/tháng, khai ngày 08/5/2020 (al), có 18 hụi viên, gồm 18 phần, bà T tham gia một phần. Hụi khai đến lần thứ 12 thì ông N, bà P tự ý ngưng hụi. Dây hụi này bà T đã đóng với số tiền 28.800.000 đồng.

- Dây hụi thứ ba: hụi 5.000.000 đồng/tháng, khai ngày 02/8/2020 (al), có 18 hụi viên, gồm 18 phần, bà T tham gia một phần. Hụi khai đến lần thứ 10 thì ông N, bà P tự ý ngưng hụi. Dây hụi này bà T đã đóng với số tiền 40.000.000 đồng.

- Dây hụi thứ tư: hụi 3.000.000 đồng/tháng, khai ngày 02/8/2020 (al), có 18 hụi viên, gồm 18 phần, bà T tham gia một phần. Hụi khai đến lần thứ 10 thì ông N, bà P tự ý ngưng hụi. Dây hụi này bà T đã đóng với số tiền 24.000.000 đồng.

Tổng cộng 04 dây hụi, bà T đã đóng được 140.800.000 đồng. Sau đó, ông N, bà P trả cho bà 12.300.000 đồng, các bên có làm đơn xác nhận tiền hụi còn nợ vào ngày 13/6/2021 (al), bà P xác nhận nợ tiền hụi 128.500.000 đồng, cam kết sẽ trả dứt trong 3 kỳ. Bà P, ông N tiếp tục trả cho bà 60.000.000 đồng thì không trả nữa. Vì vậy, bà khởi kiện yêu cầu bà Huỳnh Thị Thanh P, Lê Minh N có nghĩa vụ trả số tiền nợ hụi 68.500.000 đồng (sáu mươi tám triệu năm trăm nghìn) và tính lãi theo quy định pháp luật từ ngày nộp đơn khởi kiện cho đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện là: Bản photo 01 (một) sổ hụi (có danh sách hụi viên kèm theo) phía sau là nội dung thừa nhận nợ hụi có chữ ký và chữ viết của bà P.

Bị đơn Lê Minh N, Huỳnh Thị Thanh P tuy đã được triệu tập nhiều lần đến các phiên hòa giải, công khai chứng cứ nhưng đều vắng mặt nên không thể ghi nhận ý kiến; Vì vậy, Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, nguyên đơn Lê Thị Bích T yêu cầu ông Lê Minh N, Huỳnh Thị Thanh P có nghĩa vụ trả số tiền hụi còn nợ 68.500.000 đồng, rút lại một phần đối với yêu cầu tính lãi từ ngày nộp đơn khởi kiện đến ngày xét xử sơ thẩm. Bị đơn Lê Minh N, Huỳnh Thị Thanh P vắng mặt nên không ghi nhận ý kiến, không hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn N, P tuy được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định.

- Về nội dung giải quyết vụ án: căn cứ bà T khởi kiện là sổ hụi tháng có danh

sách hội viên, có chữ ký thừa nhận nợ hội của bị đơn Huỳnh Thị Thanh P và được ông Nguyễn Văn O xác nhận bà T có tham gia chơi hội do ông N, bà P làm chủ, giao dịch hội giữa các bên được xác lập trên cơ sở tự nguyện, thỏa thuận do ông N, bà P tự ý ngưng hội, không giao tiền hội cho bà T là vi phạm nghĩa vụ của chủ hội nên bà T khởi kiện yêu cầu ông N, bà P trả số tiền nợ hội 68.500.000 đồng là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, bà T tự nguyện rút lại yêu cầu tính lãi suất nên cần đình chỉ theo quy định tại Điều 217, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 471 Bộ luật Dân sự, các Điều 217, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2025.

- Công nhận hợp đồng hội giữa bà Lê Thị Bích T và ông Lê Minh N, bà Huỳnh Thị Thanh P.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Bích T.

- Buộc bà Huỳnh Thị Thanh P, ông Lê Minh N có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị Bích T tiền nợ hội 68.500.000 đồng.

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu tính lãi suất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Theo đơn khởi kiện bà T yêu cầu bị đơn N, P trả tiền nợ hội, tiền vay; Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ tranh chấp “*hợp đồng dân sự, hội*” là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về thẩm quyền: Bị đơn có địa chỉ cư trú tại xã N, huyện C căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

[3] Về sự vắng mặt của đương sự: bị đơn Lê Minh N, Huỳnh Thị Thanh P tuy được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không rõ lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt những người này theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung:

[4.1] Căn cứ xác lập và thực hiện hợp đồng:

Bà T cho rằng do quen biết, là người địa phương với nhau bà có tham gia nhiều dây hội do vợ chồng ông Lê Minh N, bà Huỳnh Thị Thanh P làm chủ; cụ thể:

bà T đã đóng tại các dây hui nêu trên số tiền 140.800.000 đồng. Sau đó, ông N, bà P tự ý ngưng hui. Bà P, ông N trả cho bà số tiền 72.300.000 đồng thì không trả nữa. Vì vậy, bà khởi kiện yêu cầu bà Huỳnh Thị Thanh P, Lê Minh N có nghĩa vụ trả số tiền nợ hui 68.500.000 đồng (sáu mươi tám triệu năm trăm nghìn) và tính lãi theo quy định pháp luật từ ngày nộp đơn khởi kiện cho đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm.

[4.2] Căn cứ xem xét đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Căn cứ bà T khởi kiện là sổ hui tháng có danh sách hui viên do ông Lê Minh N, bà Huỳnh Thị Thanh P đứng tên làm chủ hui, mặt ở phía sau có văn bản thừa nhận nội dung, có chữ ký, chữ viết họ tên thừa nhận nợ hui của bà Huỳnh Thị Thanh P và được ông Nguyễn Văn O xác nhận bà T có tham gia chơi hui do ông N, bà P làm chủ, giao dịch hui giữa các bên được xác lập trên cơ sở tự nguyện, thỏa thuận do ông N, bà P tự ý ngưng hui. Mặt khác, bà P, ông N đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của bà T về việc giao dịch hui, số tiền nợ hui. Bà P, ông N không giao tiền hui cho bà T là vi phạm nghĩa vụ của chủ hui đối với hui viên nên bà T khởi kiện yêu cầu ông N, bà P trả số tiền nợ hui 68.500.000 đồng là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật.

[4.3] Về lãi suất:

Nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu tính lãi đối với số tiền hui, đình chỉ giải quyết.

[5] Về án phí:

Căn cứ Điều 144; khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Do yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Bích T được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.712.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0023498 ngày 22 tháng 10 năm 2014 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Bị đơn N, P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn, cụ thể: $68.500.000 \text{ đồng} \times 5\% = 3.425.000 \text{ đồng}$ (ba triệu bốn trăm hai mươi lăm nghìn).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 471 Bộ luật dân sự; Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 18, 23 Nghị định

19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ.

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1.1 Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Bích T đối với bà Huỳnh Thị Thanh P, ông Lê Minh N đối với số tiền nợ hui.

Buộc bà Huỳnh Thị Thanh P, ông Lê Minh N có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị Bích T số tiền 68.500.000 đồng (sáu mươi tám triệu năm trăm nghìn).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

1.2 Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Bích T đối với yêu cầu tính lãi suất từ ngày nộp đơn khởi kiện đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm.

2. Về án phí:

Bà Lê Thị Bích T được hoàn lại 1.712.000 đồng (một triệu bảy trăm mười hai nghìn) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0023498 ngày 22 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Bà Huỳnh Thị Thanh P, ông Lê Minh N phải chịu 3.425.000 đồng (ba triệu bốn trăm hai mươi lăm nghìn), án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo:

Bà Lê Thị Bích T có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Đối với, bà Huỳnh Thị Thanh P, ông Lê Minh N vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND H. Chợ Mới;
- Chi cục THADS H. Chợ Mới;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Huy Phong

